
◆

**TH C TR NG S D NG INTERNET VÀ NH NG TÁC NG C A
INTERNET N SINH VIÊN TR NG I H C NÔNG LÂM TPHCM**

Tr n Minh Trí – tmtri@hcmuaf.edu.vn

Minh Hoàng – dominhhoang@hcmuaf.edu.vn

Tóm t t

Internet ngày càng phát tri n và mang l i nhi u l i ích cho ng i s d ng, trong ó có sinh viên. Nghiên c u này t p trung vào vi c tìm hi u nh n th c c a sinh viên v vai trò c a internet, th c tr ng s d ng internet c a sinh viên và nh ng tác ng tích c c l n tiêu c c c a internet i v i sinh viên, trong ó c bi t quan tâm n tác ng c a internet i v i k t qu h c t p.

K t qu nghiên c u cho th y h u h t sinh viên u nh n ra vai trò quan tr ng c a internet. Vì v y, sinh viên dành th i gian khá nhi u cho vi c truy c p internet h tr h c t p, c p nh t tin t c, gi i trí và cho nhi u m c ích khác. Nghiên c u này c ng phát hi n có s khác bi t v t n su t, th i l ng và chi phí s d ng internet gi a các nhóm sinh viên khác nhau theo gi i, n m h c, ngành h c... Liên quan n tác ng c a internet, nghiên c u này cho th y sinh viên tr i nghi m hay nh n c nhi u tác ng tích c c c a internet h n là nh ng tác ng tiêu c c. Tuy nhiên, có m t k t qu không mong i v tác ng tiêu c c c a internet, ó là vi c s d ng internet quá nhi u khi n cho k t qu h c t p c a sinh viên kém i. ây là m t v n áng lo ng i và c n s quan tâm c a nhà tr ng và s t i u ch nh c a sinh viên h n ch tác ng tiêu c c này.

Abstract

Internet has developed rapidly in today world and offered internet users, including students, a plenty of benefits. The paper aims to understand the students' perception on the role of internet, to find out internet use of students, and to evaluate the effects of internet on students, especially on students' studying performance.

The results of the research found that almost students recognized the importance of internet. Thus, students spent a lot of time for internet using in order to support their studying activities, to update necessary information, to relax and many others. The research also discovered the differences of internet use in terms of frequency, time of internet using and internet expense between students categorized by gender, school years, majors... As found in the research, students experienced positive more than negative impacts of internet. Nevertheless, an unexpected output also discovered is that internet abuse affects negatively on students' studying performance. This is a problem in need to be concerned and self-controlled by students in order to reduce the negative impacts.

1. Giới thiệu

Trong những năm qua, sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và đặc biệt là internet đã đem lại cho mọi người trên thế giới những lợi ích không thể phủ nhận. Nhân loại trở nên gần nhau hơn và có thể dàng tiếp cận những thông tin vô cùng phong phú, đa dạng và kho dữ liệu khổng lồ hàng ngày, hàng giờ bất kỳ nơi đâu trên thế giới. Vì vậy, sự bùng nổ của internet ngày càng tăng trên phạm vi toàn cầu, trong đó Việt Nam không là ngoại lệ.

Theo số liệu của Trung tâm Internet Việt Nam (2012), ngày 19/11/1997 là ngày đầu tiên Việt Nam gia nhập vào mạng internet toàn cầu. Sau 15 năm tính từ tháng 10/2012, sự bùng nổ của internet đã lên tới 31,1 triệu người, chiếm tới 35,49% dân số. Việt Nam đứng thứ 18/20 quốc gia có sự bùng nổ của Internet lớn nhất thế giới, đứng thứ 8 trong khu vực Châu Á và đứng vị trí thứ 3 khu vực Đông Nam Á.

Một khác, internet là phương tiện tiếp cận thông tin phổ biến nhất Việt Nam. Theo kết quả nghiên cứu về thói quen internet Việt Nam năm 2011, internet đã vượt qua báo, tạp chí và radio trở thành phương tiện tiếp cận thông tin phổ biến thứ hai, chỉ sau Tivi. Cũng theo báo cáo này, internet được sử dụng internet chủ yếu là giới trẻ từ 15 đến 24, trong đó một phần lớn là giới sinh viên.

Có thể dễ dàng nhận thấy vai trò của internet đối với sinh viên. Internet có thể giúp sinh viên tiếp cận thông tin cần thiết cho việc học tập và đời sống xã hội, dễ dàng trao đổi với giảng viên, bạn bè và giới trí tuệ hình thức khác nhau. Tuy vậy, cho đến nay, thói quen sử dụng internet của sinh viên và tác động của việc sử dụng internet đối với sinh viên chưa được quan tâm nhiều của giới nghiên cứu. Một vài câu hỏi về vấn đề trên cần trả lời: Sinh viên nhận thức như thế nào về vai trò của internet? Tình hình sử dụng internet của sinh viên như thế nào? Sinh viên nhận thức và trải nghiệm như thế nào về tác động tích cực và tiêu cực của internet? Internet có đóng vai trò cho việc nâng cao kết quả học tập của sinh viên hay không?

Trả lời các câu hỏi trên là mục tiêu của nghiên cứu này. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian và kinh phí, nghiên cứu này chỉ thực hiện đối với sinh viên trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM, nơi hiện có khoảng 20.000 sinh viên đang theo học.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

a) Cơ sở lý thuyết

Griffith (2002) nhận định internet là mạng toàn cầu đã hình thành tất cả những hành vi và liên kết hàng triệu máy tính trên thế giới thông qua các hệ thống viễn thông. Internet như là một phương tiện các nhà nghiên cứu và khoa học các quốc gia khác nhau và các quốc gia khác nhau có thể chia sẻ thông tin. Về vai trò của internet, Griffith cho rằng mạng internet mang lại rất nhiều tiện ích hữu dụng cho người sử dụng, một trong những tiện ích phổ biến nhất của internet là hình thức thư điện tử (email), trò chuyện trực tuyến (chat), bộ máy tìm kiếm thông tin, các dịch vụ thương mại và chuyển ngân, các dịch vụ y tế giáo dục như là chữa bệnh từ xa.

Liên quan đến thói quen sử dụng internet, một vài khảo sát đã thực hiện và cho thấy có sự khác biệt về sử dụng internet của các nhóm internet khác nhau. Chẳng hạn, báo cáo Netcitizens Việt Nam năm 2010 đã khảo sát về vấn đề sử dụng internet theo giới tính, tuổi, nghề nghiệp, trình độ văn hóa... Một vài kết quả nghiên cứu tìm thấy như sau: tuổi người sử dụng internet thấp hơn tuổi bình quân của dân số, nam giới sử dụng internet nhiều hơn nữ giới, sự bùng nổ của internet

có trình độ học/cao đẳng và 46%, 33% người dùng internet là sinh viên/học sinh... Ngoài ra, báo cáo này cũng làm rõ một số thông tin xuyên suốt về internet cho các mục đích khác nhau như tìm kiếm, học tập/nghiên cứu, tìm việc làm... và kết quả cho thấy các tin tức là hoạt động xuyên suốt của người dùng internet.

Vấn đề của internet, Mudasiru (2006) đưa ra ba tác động tích cực của internet đối với giáo dục gồm: (1) giúp người học nâng cao kỹ năng và kỹ năng sống trong học tập, (2) giúp sinh viên tiếp cận tài liệu học tập từ giảng viên dễ dàng, và (3) khuyến khích tính dân chủ trong giáo dục, nghĩa là mọi người đều có thể tiếp cận giáo dục mọi lúc, mọi nơi. Nhìn góc khác, Young (2004) cho rằng internet có tính hai mặt, ngoài việc cung cấp những tiện ích cho con người thì bên cạnh đó nó còn làm cho con người nghiện và lạm dụng quá nhiều thời gian hàng ngày của họ.

b) Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

Các thông tin sơ cấp quy định các vấn đề nghiên cứu, phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp (secondary data collection) và phương pháp khảo sát qua bảng hỏi (survey) chính. Trong đó, phương pháp thống kê dùng tìm hiểu về những thông tin chung về vấn đề sử dụng internet và các cơ sở lý thuyết có liên quan. Phương pháp thống kê sơ cấp thu thập thông tin quy định các vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp khảo sát qua bảng hỏi có triển khai bảng hình thức bảng hỏi và bảng hỏi qua công cụ Google Drive và công bố link cho sinh viên. Kết quả có 989 sinh viên trả lời. Sau khi kiểm tra tính các quan sát, 737 mẫu quan sát được sử dụng cho nghiên cứu này.

Phương pháp xử lý và phân tích thông tin sơ cấp

Báo cáo nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để hiển thị các dữ liệu về sử dụng internet của sinh viên. Ngoài ra, công cụ kiểm định Chi bình phương (Chi square test) cũng được sử dụng để kiểm định sự khác biệt về việc sử dụng internet của các giới tính khác nhau, cụ thể là về kiểm định giả thuyết liên quan đến việc sử dụng internet có những khác biệt về giới tính của sinh viên.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Ảnh hưởng của sinh viên về vai trò của internet

Các lý thuyết đã cho thấy vai trò của internet đối với giáo dục nói chung và đối với việc học tập của sinh viên nói riêng. Sinh viên nhận thức vai trò của internet như thế nào? Kết quả khảo sát cho thấy có đến 98,8% sinh viên cho rằng internet là rất cần thiết hoặc cần thiết đối với cá nhân họ, trong đó 100% sinh viên cảm thấy internet rất cần thiết để nâng cao, chỉ chiếm 58,1% (xem bảng 1).

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên về vai trò của internet

Mức cần thiết	Tần suất (lần)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ tích lũy (%)
Rất cần thiết	428	58,1	58,2
Cần thiết	300	40,7	98,8
Không cần thiết	9	1,2	100,0
Tổng	737	100	-

Nguồn tin: Tính toán thống kê

Phân tích chi tiết hơn về nhu cầu của sinh viên về vai trò của internet theo từng loại sinh viên, kết quả cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, với tin cậy 99%, về mức độ cần thiết của internet giữa sinh viên các ngành học khác nhau. Theo đó, tất cả sinh viên thuộc ngành kỹ thuật và công nghệ thông tin...nhu cầu mức độ “Rất cần thiết” cao hơn các ngành khác (xem bảng 2). Điều này có thể lý giải là do internet công nghệ là một sản phẩm công nghệ, có liên quan đến công nghệ thông tin, nên sinh viên thuộc ngành này đánh giá cao vai trò của internet là hữu dụng. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng không thể bỏ qua sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 2. Sự khác biệt về nhu cầu của sinh viên về vai trò của internet theo ngành học

Mức cần thiết		Khí ngành học			Tổng
		Nông nghiệp	Kinh tế	Kỹ thuật / công nghệ	
Rất cần thiết	N	161	95	172	428
	%	54,6	52,5	65,9	58,1
Cần thiết	N	130	86	84	300
	%	44,1	47,5	32,2	40,7
Không cần thiết	N	4	0	5	9
	%	1,4	0	1,9	1,2
Tổng	N	295	181	261	737
	%	100	100	100	100

tin cậy: 99% (Pearson-Chi Square= 15,169; sig. = 0,004) Nguồn tin: Tính toán thống kê

Ngoài khía cạnh trên, bằng phương pháp trả lời câu hỏi, nghiên cứu này cũng nhận thấy một số vai trò khác của internet về sinh viên. Một số ý kiến phổ biến có thể nhận và liệt kê gồm: internet giúp sinh viên giảm stress, cập nhật tin tức hàng ngày, học ngoại ngữ dễ dàng và tiết kiệm, biết công nghệ thông tin tự nhiên, tìm việc làm thêm, giao lưu bạn bè, chia sẻ yêu thích, và tìm kiếm tài liệu học tập, có thể có thể tiếp cận tài liệu tốt hơn ngoài.

3.2. Thực trạng sử dụng internet của sinh viên

a) Mức độ thường xuyên và thời gian truy cập internet của sinh viên

Xét về tần suất truy cập internet, hầu hết sinh viên, chiếm 74,6%, truy cập internet hàng ngày. Đây là một con số khá ấn tượng và cũng có thể làm minh chứng cho vai trò của internet về sinh viên.

Bảng 3. Mức độ thường xuyên truy cập internet của sinh viên

Mức cần thiết	Tần suất (lần)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ tích lũy (%)
Hàng ngày	550	74,6	74,6
Một vài lần 3-5 ngày	145	19,7	94,3
Một vài lần 1-2 ngày	28	3,8	98,1
Một tháng 1-2 ngày	14	1,9	100,0
Tổng	737	100,0	

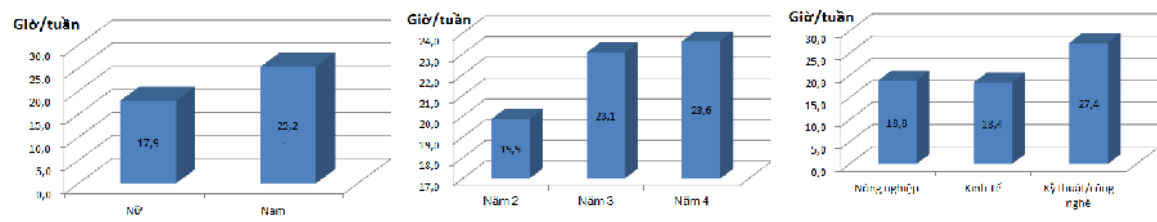
Nguồn tin: Tính toán thống kê

Phân tích t n su t s d ng internet theo gi i tính, nghiên c u này cho th y có s khác bi t v t n su t s d ng internet gi a nam và n v i tin c y 90%. T k t qu này, có th k t lu n r ng sinh viên nam s d ng internet th ng xuyên h n sinh viên n . K t qu này c ng gi ng nh k t qu c tìm th y trong báo cáo v s d ng internet c a Netcitizens n m 2010. S khác bi t này có th là do c tính c a nam gi i nói chung và c a sinh viên nam nói riêng quan tâm và yêu thích công ngh nhi u h n n . M t khác, c tính thích khám phá c a nam gi i cao h n n c ng có th là m t lý do gi i thích cho s khác bi t này.

T ng t , k t qu phân tích t n su t s d ng internet theo n m h c cho th y có m i t ng quan gi a hai bi n này v i tin c y lên n 99% (Gamma = 0,383 và Sig.=0,000). C th , t l sinh viên n m 4 truy c p internet hàng ngày là 85,0%, cao h n t l truy c p internet hàng ngày c a nhóm sinh viên n m 3 và n m 2 l n l t là 75,6% và 65,7%. K t qu này cho th y s n m h c càng cao, t n su t s d ng internet càng nhi u. i u này d hi u vì nhu c u s d ng internet c a nh ng sinh viên n m cu i cho vi c h c t p c ng nh gi i trí nhi u h n sinh viên nh ng n m u. M t khác, qua quan sát c ng có th nh n th y r ng nh ng sinh viên s p ra tr ng th ng t trang b ho c c cha m trang b máy tính cá nhân nhi u h n nh ng sinh viên m i.

V th i l ng truy c p, kh o sát này cho th y bình quân m t sinh viên dành 21,8 gi truy c p internet m i tu n, t ng ng v i 3,1 gi /ngày. Xét theo gi i tính, sinh viên nam có s gi truy c p cao h n sinh viên n , c th 25,2 gi /tu n so v i 17,9 gi /tu n (ki m nh t v s khác bi t t tin c y 99%, t=4,25, sig.=0,00). Phân tích theo n m h c, t ng t nh k t qu phân tích t n su t trên, sinh viên n m h c càng cao có th i l ng truy c p càng nhi u, c th sinh viên n m 2 có th i l ng truy c p ch kho ng 19,9 gi /tu n, trong khi ó con s này c a sinh viên n m 3 và n m 4 l n l t là 23,1 và 23,6. So sánh th i l ng truy c p theo ngành h c, k t qu cho th y có s khác bi t áng k c a sinh viên kh i ngành k thu t so v i 2 kh i ngành nông nghi p và kinh t . Sinh viên k thu t trung bình dành 27,4 gi truy c p internet, trong khi ó sinh viên nông nghi p và kinh t ch dành 18,8 và 18,4 gi /tu n t ng ng (xem hình 1). Nh ng s khác bi t này v th i l ng truy c p internet theo gi i, ngành, và n m h c có th c hi u qua nh ng lý gi i v s khác bi t gi a các nhóm sinh viên theo t n su t s d ng nh c trình bày ph n trên.

Hình 1: Th i l ng truy c p internet bình quân m i tu n c a sinh viên theo gi i tính, n m h c và kh i ngành h c



Ng u n: Tính toán t ng h p

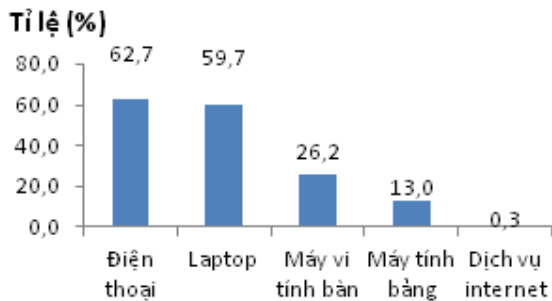
b) Ph ng ti n và a i m ti p c n internet

Hi n nay có r t nhi u ph ng ti n ti p c n internet. Sinh viên i h c Nông Lâm TP.HCM ti p c n b ng ph ng ti n gì? K t qu kh o sát cho th y hai ph ng ti n sinh viên ti p c n internet ph bi n là i n tho i và laptop v i t l sinh viên s

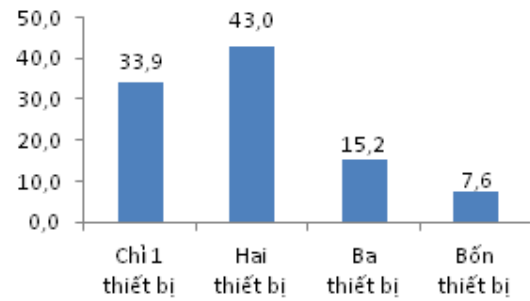
đang tăng là 62,7% và 59,7%. Các phương tiện khác như máy vi tính bàn, máy tính bảng và dịch vụ internet có sử dụng chỉ 13,0% (xem hình 2).

Với số lượng phương tiện/thiết bị tiếp cận internet có nhiều sinh viên dùng 3-4 loại khác nhau, nhưng chỉ một loại phổ biến các sinh viên sử dụng 2 thiết bị tiếp cận internet với 43,0%, và có 33,9% sinh viên chỉ dùng 1 loại phương tiện truy cập internet (xem hình 3).

Hình 2: Nguồn tiếp cận internet của sinh viên



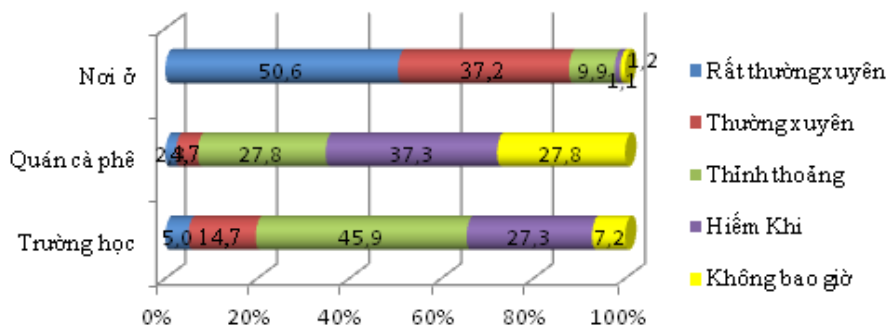
Hình 3: Số lượng phương tiện tiếp cận internet của sinh viên



Nguồn: Tính toán tác giả

Với địa điểm truy cập internet, ngoài trường học sinh viên hiện nay cũng có thể truy cập internet khu vực chợ, quán cà phê. Kết quả phân tích về mức độ thường xuyên truy cập internet của sinh viên 3 địa điểm trên cho thấy sinh viên chủ yếu truy cập internet tại nhà, có thể thấy sinh viên trường học ít thường xuyên và thường xuyên (tính lý) địa điểm này chiếm 87,8%. Ngược lại, còn tính lý 2 mức độ này trường học chỉ 19,7% và quán cà phê chỉ 7,0% (xem hình 4).

Hình 4: Địa điểm tiếp cận internet của sinh viên



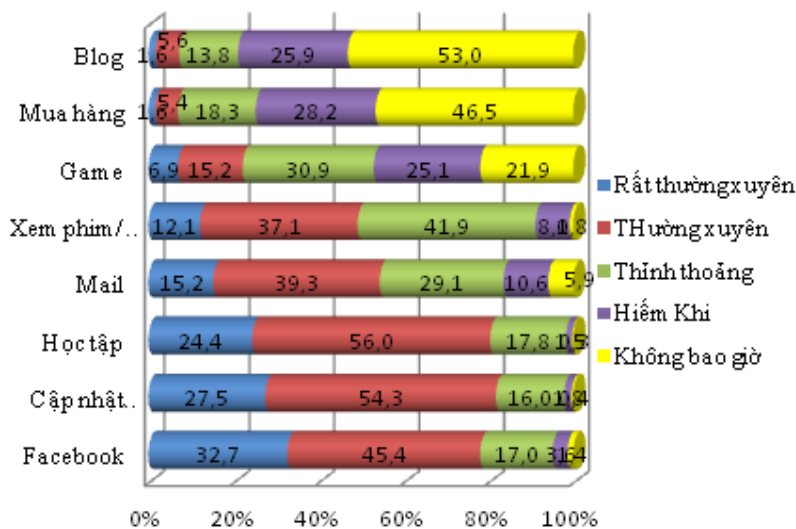
Nguồn: Tính toán tác giả

Nhìn chung, giới sinh viên ngày nay, có thể là sinh viên ở thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều phương tiện/công cụ tiếp cận internet và họ có nhu cầu tiếp cận internet nhiều hơn khác nhau. Điều này là một thuận lợi vì sinh viên và sinh viên bắt đầu nhận được sự hỗ trợ nâng cao kỹ năng, ngược lại trong môi trường này sinh viên làm việc internet có thể dần dần hình thành mối liên quan kết quả học tập, tham gia các sự kiện.

c) Mục đích sử dụng internet của sinh viên

Ngày nay, mục đích sử dụng của internet hết sức đa dạng, như là học tập, giải trí, liên lạc, giao dịch mua sắm... Đối với sinh viên, mục đích nào là phổ biến nhất? Nghiên cứu xét mục đích “rất thường xuyên” kết quả khảo sát cho thấy mục đích tác xã hội qua Facebook của sinh viên truy cập thường xuyên nhất, với tỷ lệ 32,6%, trên cùng mục đích cập nhật tin tức và học tập với tỷ lệ là 27,5% và 24,4% tương ứng. Nếu tính theo tổng tích lũy của hai mục đích “rất thường xuyên” và “thường xuyên”, hai mục đích cập nhật tin tức và học tập đứng đầu với mục đích phổ biến, với tỷ lệ tích lũy lần lượt là 81,7% và 80,4%. Cũng theo cách phân tích này, Facebook đứng vị trí thứ ba với tỷ lệ 78,1%, tiếp sau đó email (54,4%) và xem phim/nghe nhạc (49,2%); các mục đích còn lại như chơi game, mua hàng, blog có thể thấy phần trăm tính không phổ biến trong sinh viên. Dù chơi game không chiếm tỷ lệ cao nhưng mục đích rất thường xuyên và thường xuyên, như một tỷ lệ tích lũy 2 mục đích này chiếm khoảng 20% cũng là một vấn đề đáng lưu ý, bởi vì các thường xuyên chơi game có thể dẫn đến nghiện game, và từ đó dẫn đến nhiều hậu quả khác, trong đó có việc sa sút kết quả học tập (xem hình 5).

Hình 5: Mục đích thường xuyên truy cập internet của sinh viên cho các mục đích khác nhau



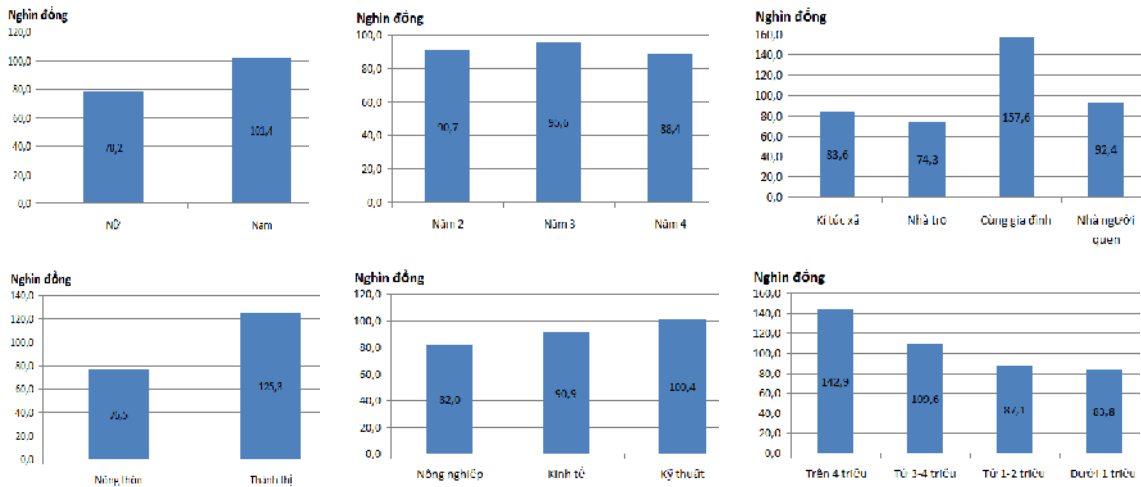
Nguồn: Tính toán từ bảng dữ liệu

Ngoài ra, kết quả phân tích hình 5 cho thấy việc mua hàng online và sử dụng blog là không phổ biến trong sinh viên, khi tỷ lệ chọn “không bao giờ” và “hiếm khi” 2 mục đích này khá cao. Cũng theo góc nhìn này, có một điều đáng mừng là tỷ lệ sinh viên không bao giờ hoặc hiếm khi dùng internet cho học tập và cập nhật tin tức rất thấp. Điều này cho thấy sinh viên đã biết tận dụng internet để học tập và nâng cao trình độ.

d) Chi tiêu của sinh viên cho internet

Tính bình quân, mỗi tháng sinh viên chi tiêu khoảng 90.698 đồng cho internet. Đây là con số khá lớn khi phân loại, chỉ là 83,7%, sinh viên có mức thu nhập hàng tháng từ 2 triệu đồng trở xuống. Một câu hỏi cần đặt ra đây là liệu các sinh viên khác nhau có mức chi tiêu cho internet khác nhau hay không? Câu trả lời được thể hiện qua hình 6 dưới đây.

Hình 6: Chi tiêu cho internet của sinh viên theo giới tính, nhu cầu thân, năm học, ngành học, nơi và thu nhập



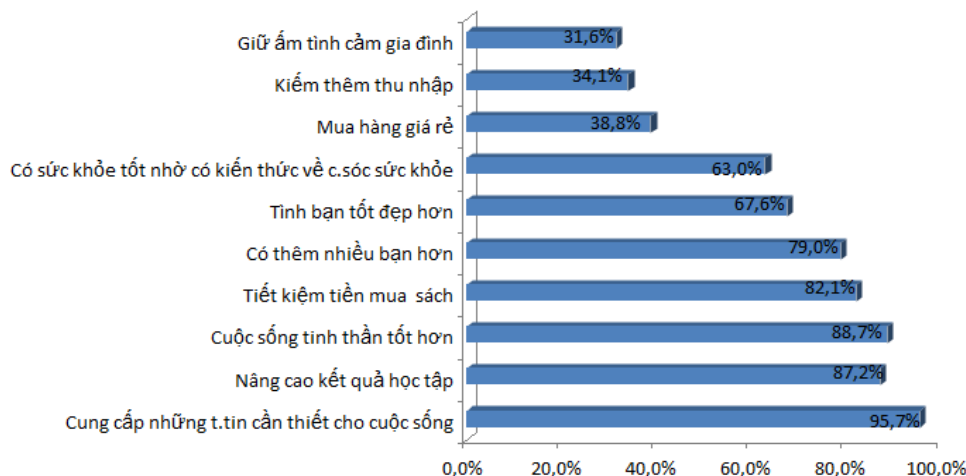
Nguồn: Tính toán tác giả

Kết quả phân tích hình 6 cho thấy có sự khác biệt về chi tiêu cho internet giữa các nhóm sinh viên khác nhau. Cụ thể, một vài kết luận nổi bật khác biệt này có thể rút ra gồm: (1) sinh viên nam chi tiêu cho internet nhiều hơn sinh viên nữ, (2) sinh viên xu hướng nông thôn có chi tiêu cho internet ít hơn sinh viên xu hướng thành thị, (3) sinh viên năm cuối chi tiêu cho internet ít hơn sinh viên năm 3 và năm 2 – có lẽ do phát sinh nhu cầu chi phí khác và sinh viên năm cuối bị tác động của cách tiếp cận internet miễn phí hoặc vì giá rẻ, (4) chi phí cho internet của sinh viên thuộc khối ngành công nghệ cao hơn còn sinh viên thuộc nhóm ngành kinh tế và nông nghiệp, (5) sinh viên sống cùng gia đình chi tiêu cho internet nhiều hơn so với sinh viên trọ và (6) sinh viên có thu nhập càng cao chi tiêu cho internet càng nhiều.

3.3 Những tác động tích cực và tiêu cực của internet đối với sinh viên

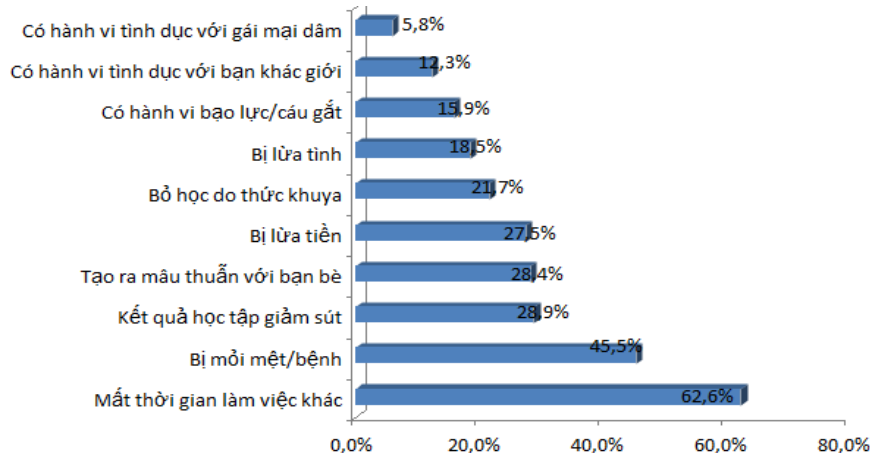
Phân tích tính hai mặt của internet, giới nghiên cứu như nhà Young (2004) nhận thấy các tác động tích cực, nghiên cứu này đã ra 10 tác động tích cực và 10 tác động tiêu cực và tiến hành khảo sát sinh viên về sự trải nghiệm và nhận thức của họ. Kết quả phân tích thể hiện chi tiết qua hình 7 và 8 dưới đây.

Hình 7: Trải nghiệm của sinh viên về những tác động tích cực của internet



Nguồn: Tính toán tác giả

Hình 8: Tr i nghi m c a sinh viên v nh ng tác ng tiêu c c c a internet



Ng u n: Tính toán t ng h p

T k t qu phân tích trên, có th nh n th y r ng bình di n chung sinh viên ánh giá internet có nh ng tác ng tích c c nhi u h n nh ng tác ng tiêu c c, th hi n qua t l tr i nghi m úng các m t tích c c cao h n t l này các m t tiêu c c. C th , có n 7 tác ng tích c c nh n c t l ng thu n c a trên 60% sinh viên (xem hình 7). Ng c l i, s l ng tác ng tiêu c c nh n c t l ng thu n c a trên 60% sinh viên ch có m t, ó là tác ng “m t th i gian làm vi c khác” v i t l 62,6%. M t dù các tác ng khác có t l sinh viên ng thu n th p nh ng c ng r t áng quan tâm, c bi t tác ng “b m i m t/b nh” chỉ m t l 45,4% và tác ng “k t qu h c t p gi m sút” chỉ m t l 28,9% sinh viên.

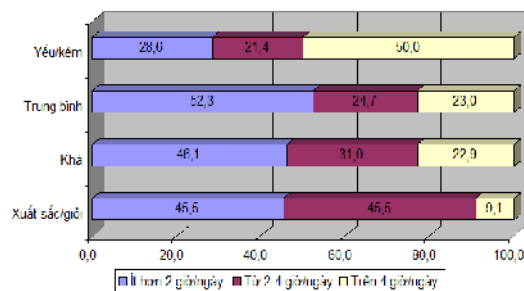
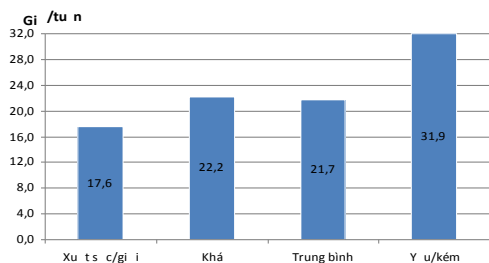
3.4. Tác ng c a internet i v i k t qu h c t p c a sinh viên

Có nh ng th o lu n liên quan n m i quan h gi a vi c s d ng internet và k t qu h c t p c a sinh viên. Có ng i cho internet giúp sinh viên h c t t h n, nh ng c ng có ý ki n cho r ng internet khi n sinh viên sao nhãng vi c h c t p đ n n vi c sa sút k t qu h c t p. óng góp vào tranh lu n này, nghiên c u này phân tích theo hai h ng.

Th nh t, tính th i gian s d ng internet trung bình c a nh ng sinh viên v i k t qu h c t p khác nhau, nghiên c u này cho th y sinh viên truy c p internet càng nhi u, k t qu h c t p càng kém. C th , nh ng sinh viên có h c l c gi i/xu t s c có s gi truy c p bình quân là 17,6 gi /tu n, trong khi ó nh ng sinh viên h c y u/kém có s gi truy c p internet bình quân n 31,9 gi /tu n.

Th hai, tính t l t ng m c th i l ng truy c p theo h c l c sinh viên c ng cho k t qu t ng t , c th r t ít sinh viên h c xu t s c/gi i mà truy c p internet quá nhi u trên 4 gi /ngày (ch chỉ m t l 9,1%), trong khi ó có n 50% sinh viên y u kém truy c p trên 4 gi /ngày (xem hình 9).

Hình 9: Th i l ng truy c p internet c a sinh viên theo k t qu h c t p



Ng u n: T ính toán t ng h p

Nh v y, dù sinh viên ánh giá cao vai trò c a internet và tr í nghi m v m t m t tích c c nhi u h n, nh ng tác ñng quan tr ng nh t c a internet í v í sinh viên liên quan ñ k t qu h c t p l i nh ñ c m t k t qu tiêu c c, c th “s ñ ng internet càng nhi u, k t qu h c t p càng th p”.

4. K t lu n và g óp ý

T nh ng k t qu phân tích trên, nghiên c u này rút ra m t vài k t lu n sau:

Internet là r t c n thi t í v í sinh viên v í vai trò h tr h c t p, gi í trí b ng nhi u hình th c khác nhau, và s c n thi t c ng c sinh viên công nh n v í t l r t cao. V í vai trò và ý ngh a nh th , sinh viên tr ng í h c Nông Lâm Tp.HCM c ng tí p c n internet khá nhi u, xét v th í l ñg truy c p l n t n su t truy c p. Có c nh th nh vào tình hình phát tri n công ngh c a ngành vi n thông nói chung và vi c phát tri n ñg ñng công ngh vi n thông khu v c tr ng H Nông Lâm Tp.HCM nói riêng. Nh ó, sinh viên có th tí p c n internet nhi u n í khác nhau nh tr ng h c, nhà tr , quán cà phê... nh m vào nhi u m c ích khác nhau ch ng h n h c t p, c p nh t t n t c, gi í trí...

V tác ñng c a internet, nghiên c u này cho th y internet mang l i nh ng tác ñng tích c c nhi u h n là tiêu c c khi xét v bình ñi n chung ñ a trên tr í nghi m và nh n th c c a sinh viên. Tuy nhiên, n u ch xét v tác ñng c a internet v í k t qu h c t p sinh viên, k t qu nghiên c u cho th y vi c truy c p internet quá nhi u ñ n ñ k t qu h c t p y u kém c a sinh viên.

ây là m t í u áng lo ng í và vì th c n có s í u ch nh h n ch m t tiêu c c này c a internet. V phía nhà tr ng, c n s quan tâm c a nhà tr ng, ban qu n lý ký túc xá trong vi c tuyên truy n h ñg ñ n và ki m soát (trong ph m vi có th) v vi c s ñ ng internet h í u qu cho sinh viên. V phía sinh viên, c n có s í u ch nh thích h p sao cho phát huy nh ng m t tích c c và h n ch nh ng tác ñng tiêu c c c a internet, c bi t í v í vi c h c t p.

TÀI LI U THAM KH O

Azim, D. H. B. F., Zam, N. A. B. M., & Rahman, W. R. A. (n.d.). *Internet addiction between Malaysian male and female undergraduate human sciences students of the International Islamic University Malaysia*. Retrieved March 11, 2011, from <http://bsris.swu.ac.th/iprc/6th/6.pdf>

Báo cáo tài nguyên internet Vi t Nam (2012), Trung tâm internet Vi t Nam.

Gujarati, D.N (1995), *Basic Econometrics*, USA McGraw – Hill, Inc.

Griffith, R, T (2002), *History of the Internet, Internet for historians*. Retrieved November 3rd, 2003, from <http://www.let.leidenuniv.nl/history/ivh/chap3.htm>

Gisela W (2006), *Problematic internet use, flow and procrastination in the workplace*, Master thesis, University of the Witwatersrand, Johannesburg.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mẫn Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống kê.

Information system services (2004), *Overview of the internet*, University of Leeds.

Mudasiru O. Y (2006), *Using the internet for teaching, learning and research in higher education*, University of Ilorin, Ilorin.

Nguyễn Thị Mai Hương (2010), *Báo cáo chuyên đề thanh thiếu niên Việt Nam và vị trí tiếp cận và sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số*, ADB và Quỹ Dân Sự Liên Hợp Quốc.

Net Index 2011 – Mối liên hệ Việt Nam, <http://thankiu.com/wp-content/uploads/downloads/2012/04/Net-Index-Vietnam-2011.pdf>

Philip Brey, *Evaluating the social and cultural implications of the internet*, Department of Philosophy, University of Twente, Netherlands.

Prof Corcoran (2008), *The internet's impact on society*, Management Information Systems.

Timothy B. Rumbough (2001), *Controversial uses of the internet by college students*, Bloomsburg University of Pennsylvania.

Young Shu Qin (2011), *A study of internet addiction among students of Sekolah Menengah Jenis Kebangsaan Peiyuan*, Kampar.

Young. K. S (2004), *Internet addiction*, St. Bonaventure University.